

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22RHM

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02 / 06 / 2023

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	116422001	Trần Như Anh	06/06/2004	Nữ	9,5	8,2	8,9		<u>Anh</u>		
2	116422002	Phan Vũ Nam Bình	11/09/2004	Nữ	9,5	5,8	7,7		<u>Bình</u>		
3	116422003	Lâm Tấn Đạt	09/01/2004	Nam	9,5	7,6	8,6		<u>Đạt</u>		
4	116422005	Huỳnh Thái Trà Giang	29/10/2004	Nữ	9,5	6,6	8,1		<u>Giang</u>		
5	116422006	Võ Hùng Hậu	30/08/2004	Nam	9,5	6,0	7,8		<u>Hậu</u>		
6	116422007	Lý Kim Hòa	25/06/2003	Nữ	9,5	6,0	7,8		<u>Hòa</u>		
7	116422008	Nguyễn Phạm Huy Hoàng	18/02/2004	Nam	9,5	6,0	7,8		<u>Huy Hoàng</u>		
8	116422009	Nguyễn Đình Quang Huy	26/11/2004	Nam	9,5	6,4	8,0		<u>Huy</u>		
9	116422010	Nguyễn Thị Huyền	06/09/2004	Nữ	9,5	7,4	8,5		<u>Huyền</u>		
10	116422012	Nguyễn Viên Luận	02/12/2004	Nam	9,5	6,0	7,8		<u>Luận</u>		
11	116422015	Trần Thùy Linh	19/08/2004	Nữ	9,5	6,2	7,9		<u>Linh</u>		
12	116422016	Hoàng Thị Loan	28/06/2004	Nữ	9,8	8,4	9,1		<u>Loan</u>		
13	116422017	Võ Hoàng Long	25/04/2004	Nam	9,0	7,6	8,3		<u>Long</u>		
14	116422018	Nguyễn Thành Nam	07/04/2004	Nam	9,5	7,0	8,3		<u>Nam</u>		
15	116422020	Lương Kim Ngân	05/01/2004	Nữ	9,5	8,6	9,1		<u>Ngân</u>		
16	116422022	Hồ Hiếu Nghĩa	26/04/2004	Nam	9,5	7,6	8,6		<u>Nghĩa</u>		
17	116422023	Huỳnh Ngọc Thảo Nguyên	26/02/2004	Nữ	9,5	6,0	7,8		<u>Thảo Nguyên</u>		
18	116422025	Nguyễn Trần Quỳnh Như	05/08/2004	Nữ	9,5	6,0	7,8		<u>Quỳnh Như</u>		
19	116422026	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/07/2004	Nữ	9,8	8,8	9,3		<u>Nhung</u>		
20	116422027	Nguyễn Thị Kim Oanh	13/08/2004	Nữ	9,5	8,0	8,8		<u>Oanh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22RHM

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02 / 6 / 2023Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116422029	Nguyễn Châu Hồng Phúc	28/01/2004	Nam	9,5	6,0	7,8	001	<u>ph</u>		
2	116422030	Phan Hoàng Phúc	13/04/2004	Nam	9,0	5,8	7,4	002	<u>Pho</u>		
3	116422032	La Hoàng Quyên	13/10/2004	Nữ	9,5	6,2	7,9	003	<u>Quy</u>		
4	116422034	Phạm Thu Quyên	14/06/2003	Nữ	9,5	7,2	8,4	004	<u>Thu</u>		
5	116422035	Lê Ngọc Quỳnh	26/08/2004	Nữ	9,5	6,6	8,1	005	<u>Quynh</u>		
6	116422036	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	22/01/2004	Nữ	9,5	7,2	8,4	006	<u>Di</u>		
7	116422038	Nguyễn Trọng Tân	16/04/2004	Nam	9,5	6,4	8,0	007	<u>Tan</u>		
8	116422040	Nguyễn Thị Thảo	25/01/2004	Nữ	9,5	5,6	7,6	008	<u>Thao</u>		
9	116422042	Trần Mỹ Tiên	06/02/2004	Nữ	9,5	7,0	8,3	009	<u>My</u>		
10	116422043	Nguyễn Chí Toán	26/10/2004	Nam	9,5	8,8	9,2	010	<u>Toan</u>		
11	116422044	Huỳnh Thị Ngọc Trà	09/09/2004	Nữ	9,5	6,2	7,9	011	<u>Trà</u>		
12	116422045	Trương Huỳnh Trâm	29/03/2004	Nữ	9,5	6,8	8,2	012	<u>Tram</u>		
13	116422046	Vũ Thị Trang	20/08/2004	Nữ	9,5	7,4	8,5	013	<u>Trang</u>		
14	116422047	Đặng Thành Trung	27/12/2004	Nam	9,5	6,0	7,8	014	<u>Trung</u>		
15	116422049	Lê Phương Uyên	17/10/2004	Nữ	9,5	7,2	8,4	015	<u>Uyen</u>		
16	116422050	Trần Thị Bích Vân	28/09/2004	Nữ	9,5	9,0	9,3	016	<u>Bich</u>		
17	116422051	Đinh Quốc Việt	09/08/2003	Nam	9,5	6,0	7,8	017	<u>Quoc</u>		
18	116422054	Lê Chí Khang	25/09/2003	Nam	9,5	7,0	8,3	018	<u>Khang</u>		
19	116422055	Thạch Thị Thia Ry	19/10/2003	Nữ	9,5	5,4	7,5	019	<u>Thia</u>		
20	116422056	Thạch Nhật Thanh	05/12/2003	Nam	9,5	6,2	7,9	020	<u>Thanh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20Tổng số tờ: 20Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ coi thi 3:

Cán bộ coi thi 4:

Cán bộ coi thi 5:

Cán bộ coi thi 6:

Cán bộ coi thi 7:

Cán bộ coi thi 8:

Cán bộ coi thi 9:

Cán bộ coi thi 10:

Cán bộ coi thi 11:

Cán bộ coi thi 12:

Cán bộ coi thi 13:

Cán bộ coi thi 14:

Cán bộ coi thi 15:

Cán bộ coi thi 16:

Cán bộ coi thi 17:

Cán bộ coi thi 18:

Cán bộ coi thi 19:

Cán bộ coi thi 20:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22RHM

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

06 / 06 / 2023

Phòng thi: D71. 112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116422024	Nguyễn Thanh Nguyên	21/09/2004	Nam	<u>9,5</u>	<u>4,2</u>	<u>6,9</u>	<u>001</u>	<u>Nguyễn</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 6 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22XYHB

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TTT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02 / 6 / 23

Phòng thi: D21.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115322048	Liêng Thị Ngọc	Lành	25/11/2004	Nữ	9,8	6,2	8,0	012	<u>Sh</u>	
2	115322050	Cao Huỳnh	Mai	25/03/2004	Nữ	9,5	5,6	7,6	013	<u>mai</u>	
3	115322053	Nguyễn Hoài	Nam	21/10/2003	Nam	8,5	5,2	6,9	014	<u>Nam</u>	
4	115322055	Nguyễn Thúy	Ngân	18/11/2004	Nữ	9,5	3,8	6,7	015	<u>ThuyNgan</u>	
5	115322056	Sơn Thái Châu	Ngọc	19/06/2003	Nữ	9,5	6,6	8,1	016	<u>Sh</u>	
6	115322059	Ngô Hồng	Nhi	04/03/2004	Nữ	9,5	5,4	7,5	017	<u>HongNhi</u>	
7	115322061	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	04/06/2003	Nữ	8,5	3,6	6,1	018	<u>Như</u>	
8	115322064	Phan Thị Trúc	Phương	17/10/2004	Nữ	9,5	5,6	7,6	019	<u>Phuong</u>	
9	115322072	Phan Thị Phương	Thảo	18/12/2004	Nữ	9,0	5,2	7,1	020	<u>Thao</u>	
10	115322073	Nguyễn Khánh	Thi	01/01/2004	Nữ	9,5	4,6	7,1	021	<u>Thi</u>	
11	115322087	Lê Nguyễn Khánh	Vy	30/06/2004	Nữ	9,5	6,6	8,1	022	<u>KhánhVy</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11

Tổng số tờ: 11

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22THE

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Thi TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....02/.....6...../2023

Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114322020	Âu Thị Ngọc	Hân	12/02/2004	Nữ	9,5	5.0	7,3	001	<u>Ham</u>	
2	114322035	Nguyễn Duy	Khan	31/01/2004	Nam	9,5	5.2	7,4	002	<u>thay</u>	
3	114322098	Thạch Anh	Tài	25/03/2004	Nam	9,5	5.4	7,5	003	<u>T</u>	
4	114322100	Lê Nguyễn Hoàng	Thâm	23/07/2003	Nam	9,5	6.6	8,1	004	<u>Quang</u>	
5	114322101	Nguyễn Văn	Thắng	02/11/2004	Nam	9,5	7.6	8,6	005	<u>th</u>	
6	114322102	Nguyễn Trúc	Thanh	06/01/2004	Nam	9,0	5.8	7,4	006	<u>tho</u>	
7	114322104	Thạch Thị Phương	Thảo	20/11/2004	Nữ	9,5	6.0	7,8	007	<u>tho</u>	
8	114322105	Thạch Thị	Thảo	10/03/2004	Nữ	9,5	5.2	7,4	008	<u>tho</u>	
9	114322106	Thạch Trang Thanh	Thảo	03/04/2004	Nữ	9,5	4.0	6,8	009	<u>tho</u>	
10	114322107	Cao Thị Bảo	Thoa	12/11/2003	Nữ	9,5	4.4	7,0	010	<u>tho</u>	
11	114322109	Hồ Thị Anh	Thư	16/11/2004	Nữ	9,5	5.0	7,3	011	<u>tho</u>	
12	114322110	Huỳnh Anh	Thư	29/01/2004	Nữ	9,5	3.6	6,6	012	<u>tho</u>	✓
13	114322111	Huỳnh Anh	Thư	28/02/2004	Nữ	9,5	3.6	6,6	013	<u>tho</u>	
14	114322112	Lư Thị Minh	Thư	15/11/2004	Nữ	9,5	6.0	7,8	014	<u>tho</u>	
15	114322113	Ngô Huỳnh Anh	Thư	04/11/2004	Nữ	9,5	6.2	7,9	015	<u>tho</u>	
16	114322114	Nguyễn Thị Minh	Thư	28/01/2004	Nữ	9,5	5.0	7,3	016	<u>tho</u>	
17	114322115	Nguyễn Thị Minh	Thư	04/08/2004	Nữ	9,5	5.2	7,4	017	<u>tho</u>	
18	114322116	Nguyễn Thị Minh	Thư	24/08/2004	Nữ	9,0	4.4	6,7	018	<u>tho</u>	
19	114322117	Trần Thị Hoài	Thư	26/01/2004	Nữ	9,5	6.6	8,1	019	<u>tho</u>	
20	114322118	Võ Minh	Thư	10/03/2004	Nữ	9,5	✓	✓	✓	✓	✓
21	114322120	Đặng Thị Bích	Trâm	21/07/2004	Nữ	9,5	4.4	7,0	021	<u>tho</u>	7,0
22	114322121	Huỳnh Thị Mai	Trâm	10/12/2004	Nữ	9,5	5.0	7,3	022	<u>tho</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22Tổng số tờ: 2021

Cán bộ coi thi 1:

lim thị sa rieng

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 70 %Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Son Son Ca

Cán bộ kiểm tra:

tho
Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22THE

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02 / 06 / 2023Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114322122	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	17/11/2004	Nữ	9,5	6,0	7,8	001	Trâm		
2	114322123	Lý Huyền Trân	17/03/2004	Nữ	9,5	4,6	7,1	002	Trân		
3	114322125	Nguyễn Thị Huế Trân	01/01/2004	Nữ	9,5	4,0	6,8	003	Huế		
4	114322126	Phạm Nguyễn Hồng Trân	12/04/2004	Nữ	9,5	5,0	7,3	004	Hồng		
5	114322127	Trần Lâm Bảo Trân	20/04/2004	Nữ	9,5	4,0	6,8	005	Bảo		
6	114322128	Trần Thị Huyền Trân	05/07/2004	Nữ	9,5	4,8	7,2	006	Huyền		
7	114322129	Hồ Thị Huyền Trang	18/01/2004	Nữ	9,8	5,4	7,6	007	Huyền		
8	114322130	Lê Thụy Diễm Trinh	20/04/2004	Nữ	9,5	4,6	7,1	008	Thụy		
9	114322131	Trần Ngọc Trinh	24/11/2003	Nữ	9,8	5,0	7,4	009	Ngọc		
10	114322133	Lý Ngọc Thanh Trúc	30/12/2004	Nữ	9,5	5,8	7,7	010	Thanh		
11	114322134	Nguyễn Thanh Trúc	10/01/2004	Nữ	9,5	4,2	6,9	011	Thanh		
12	114322136	Kim Thị Ngọc Tươi	22/02/2003	Nữ	9,5	5,8	7,7	012	Tươi		
13	114322137	Đoàn Lê Uyên	09/04/2003	Nữ	9,5	6,4	8,0	013	Lê		
14	114322138	Mai Thị Tố Uyên	10/02/2004	Nữ	9,5	5,2	7,4	014	Tố		
15	114322139	Nguyễn Tố Văn	27/02/2004	Nữ	9,5	4,4	7,0	015	Nguyễn		
16	114322140	Phan Ngọc Tường Vi	10/05/2004	Nữ	9,5	5,2	7,4	016	Phan		
17	114322141	Cao Nguyễn Tường Vy	17/01/2004	Nữ	9,5	5,6	7,6	017	Cao		
18	114322143	Nguyễn Thị Tường Vy	04/04/2004	Nữ	9,5	4,6	7,1	018	Nguyễn		
19	114322144	Võ Phương Vy	09/02/2004	Nữ	9,5	5,2	7,4	019	Võ		
20	114322145	Lê Thị Ngọc Xuyên	23/02/2004	Nữ	9,5	4,0	6,8	020	Lê		
21	114322146	Trần Thị Hồng Xuyên	18/04/2004	Nữ	9,5	3,8	6,7	021	Trần		
22	114322147	Thạch Châu Y	27/09/2004	Nữ	9,5	4,8	7,2	022	Thạch		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22.....Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22.....Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 05 tháng 06 năm 2023Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Thái MyCán bộ ghi điểm: Phan Văn Kha

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22THE
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02 / 06 / 2023
Phòng thi: D31.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114322148	Châu Như Ý	07/10/2004	Nam	9,5	4,6	7,1	016			
2	114322150	Phạm Ngọc Như Ý	20/06/2003	Nữ	9,5	4,6	7,1	017			
3	114322152	Lê Hoàng Phi Yến	01/03/2004	Nữ	9,5	3,6	6,6	018			
4	114322189	Đặng Minh Huy	29/03/2004	Nam	9,5	4,8	7,2	019			
5	114322223	Trần Thị Thảo Ngân	23/09/2004	Nữ	9,5	4,4	7,0	020			
6	114322289	Trần Thanh Ngân	25/10/2004	Nữ	9,5	5,6	7,6	021			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06.
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06.
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06.
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Như Ý Võ Ngọc Triêu

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Như Ý

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22SNV
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02/6/23
Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	113722001	Phạm Thị Phương	Ngân	15/02/1995	Nữ	9,8	7,0	8,4	001	Phạm	
2	113722002	Võ Văn	Đạt	19/09/2004	Nam	9,5	6,0	7,8	002	Võ Văn	
3	113722003	Hà Hồng	Duy	09/08/2004	Nữ	9,0	6,4	7,7	003	Hà Hồng	
4	113722004	Phan Huỳnh Ngọc	Hiền	23/05/2004	Nữ	9,0	7,0	8,0	004	Phan	9,0
5	113722006	Trần Vĩ	Khang	13/06/2004	Nam	9,8	8,0	8,9	005	Trần	
6	113722007	Nguyễn Chí	Linh	06/12/2003	Nam	9,0	6,0	7,5	006	Nguyễn	9,0
7	113722014	Lê Xuân	Nhi	31/05/2004	Nữ	9,5	8,0	8,8	007	Lê Xuân	
8	113722016	Dương Thị Anh	Thư	26/10/2003	Nữ	9,8	7,2	8,5	008	Dương	
9	113722017	Nguyễn Trương Phương	Trúc	17/10/2004	Nữ	9,0	6,2	7,6	009	Nguyễn	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ: 09

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Linh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22TCNHB

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá:.....TTT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02/6/23

Phòng thi:.....ĐJA-111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114522062	Nguyễn Ngọc Như Ý	26/02/2004	Nữ	9,5	56	7,6	010	nhu		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01

Tổng số sv, hs dự đánh giá:01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....01

Tổng số tờ:.....01

Cán bộ coi thi 1:.....Phan Hữu Tài

Điểm QT:.....50%; Điểm KT:.....50%

Trà Vinh, Ngày ..05.. tháng ..6.. năm ..2023

Cán bộ ghi điểm:.....Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22TYB

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02 / 6 / 23

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111322105	Phạm Vĩnh Tường	01/06/2003	Nam	<u>9,0</u>	<u>40</u>	<u>6,5</u>	<u>011</u>	<u>7u</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Lành

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Kha

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Ka

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22THC

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02 / 6 / 2023

Phòng thi: ĐH.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114322276	Nguyễn Thị Thúy Vi	18/01/2004	Nữ	<u>9,0</u>	<u>5,8</u>	<u>7,4</u>	<u>010</u>	<u>Đ</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Phan Võ Ngọc Giàu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Đ. P. L.

Đ. P. L.

Cán bộ kiểm tra: Đ. P. L.

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22THD

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02 / 6 / 2023

Phòng thi: ĐH 108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114322060	Lê Hồng Nghi	13/11/2004	Nữ	9,5	5,6	7,6	11	<i>Ph. Nghi</i>		
2	114322063	Huỳnh Bảo Ngọc	11/05/2004	Nữ	9,5	4,4	7,0	12	<i>Ph. Ngọc</i>		
3	114322079	Nguyễn Thị Huỳnh Như	10/11/2004	Nữ	9,0	4,2	6,6	13	<i>Huỳnh Như</i>		
4	114322084	Nguyễn Thị Kiều Oanh	18/10/2004	Nữ	9,5	7,2	8,4	14	<i>Oanh</i>		
5	114322091	Nguyễn Thị Hạnh Quyên	16/08/2004	Nữ	9,5	7,6	8,6	15	<i>Ph. Hạnh</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nhà Võ Ngọc Giàu

Cán bộ ghi điểm: Phan Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

02/6
071.108

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (45 -)/DA19QDL
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02 / 6 / 2023
Phòng thi: DH 108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116619021	Mạc Mỹ Như	08/11/2001	Nữ	9,0	3,6	6,3	001			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Mạc Võ Ngọc Giàu

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA21THA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02 / 6 / 2023

Phòng thi: DH.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321041	Trần Thị Ngọc Kiều	27/06/2003	Nữ	<u>9,8</u>	<u>4,4</u>	<u>7,1</u>	<u>002</u>	<u>[Chữ ký]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: [Chữ ký] Võ Ngọc Giàu

Cán bộ ghi điểm: [Chữ ký]

Sơn Sơn Lê

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22CK

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02 / 6 / 2023

Phòng thi: D31.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111822030	Son Ngọc Thành	07/06/2004	Nam	<u>9,0</u>	<u>3,8</u>	<u>6,4</u>	<u>03</u>	<u>Thành</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nhà Võ Ngọc Giàu

Cán bộ ghi điểm: Son Son La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nhà

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22CNOTA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02 / 6 / 2023

Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	118022035	Trần Đức Hưng	03/04/2004	Nam	9,5	4,6	7,1	004	Hưng		
2	118022042	Nguyễn Lâm Duy Khang	23/03/2004	Nam	9,5	5,4	7,5	005	Khang		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phan Hữu Tài

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22CNOTB
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02 / 6 / 2023
Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	118022061	Bùi Đức Mạnh	26/10/2004	Nam	<u>8,0</u>	<u>4,4</u>	<u>6,2</u>	<u>06</u>	<u>32</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nhà Võ Ngọc Giàu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Văn Lã

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (45 -)/DA22NNAA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02 / 6 / 2023

Phòng thi: DT 108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422007	Nguyễn Mai Kiều	08/09/2004	Nữ	9,5	5,4	7,5	07	<u>TK</u>		
2	110422016	Bùi Thị Diễm My	07/08/2004	Nữ	9,0	7,2	8,1	08	<u>TK</u>		
3	110422026	Nguyễn Anh Thư	31/03/2003	Nữ	9,5	6,2	7,9	09	<u>TK</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nhà Võ Ngọc Giàu

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Quang

Phan Phan La

Cán bộ kiểm tra: la

Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2: